

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2024

V/v: “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Đỗ Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 282/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đông Thành, xã L, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn T kết hôn với nhau ngày 06/01/2014 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Anh T không chịu làm ăn, ham mê chơi game và đánh vào tệ nạn xã hội dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, có lúc dẫn đến xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Hiện nay mỗi người tự lo cho bản thân mình, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay cháu Anh đang sinh sống cùng chị Q. Nếu được ly hôn, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh T nhưng anh T không nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án và không chấp hành theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

3. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 24/4/2024, đại diện UBND xã T xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn T như sau: Chị Q và anh T kết hôn với nhau ngày 06/01/2014 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là Nguyễn Thị L. Hiện tại, cháu L sống cùng chị Q tại xã T. Cháu L có sức khỏe ổn định, học tập tốt.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Q, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn T.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị L. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và công nợ: Chị Q không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện TS, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện TS đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện

của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Q và anh T kết hôn với nhau ngày 06/01/2014 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến thường xuyên xảy ra và chạm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Q là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn T.

[2.2] Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là 01 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay cháu Anh đang sinh sống cùng chị Q tại thôn 1, xã T, huyện TS. Chị Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ; nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung của chị Q là hoàn toàn chính đáng. Hơn nữa, hiện tại chị Q có công việc và nơi ở ổn định, là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển khỏe mạnh, bình thường. Vì vậy, để cuộc sống của con không bị xáo trộn, không bị ảnh hưởng đến tâm, sinh lý, nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho con, cần tiếp tục giao con cho chị Q được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn T.
2. Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/9/2015 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp chị Q không còn đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu L thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002705 ngày 22 tháng 11 năm 2023. Chị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THA huyện TS;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan